

Bản án số: 94/2023/DS-PT

Ngày: 14-6-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn Bình

Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 49/2023/TLPT-DS ngày 28/3/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Mai Quang H, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1970 (có mặt), cùng trú tại: Số 136 đường Hùng Vương, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H: Ông Trịnh Đắc H, sinh năm 1985, trú tại: Hẻm 282 đường ĐT 741, ấp 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Theo lời khai của bà H tại phiên tòa phúc thẩm, ông H đã chết tháng 4/2023)

***Bị đơn:** Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1977; trú tại: Ấp 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Đinh Văn M, sinh năm 1972; trú tại: Ấp 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

***Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Mai Quang H, bà Phạm Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2020, và bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/3/2020, ông Mai Quang H, bà Phạm Thị H có cho bà Trần Thị Nh vay số tiền 750.000.000 đồng, mục đích vay là để làm ăn cho cả gia đình, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Bà Nh hẹn đến ngày 20/4/2020 sẽ trả đủ tiền gốc và lãi. Khi vay hai bên có lập giấy viết tay. Tuy nhiên, đến hạn không thấy Bà Nh trả nợ nên ông H, bà H đến nhà Bà Nh yêu cầu trả nợ nhưng Bà Nh cứ khất lần, cố tình không trả. Nay ông H, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bà Nh và ông M phải trả tiền gốc 750.000.000 đồng và lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước là 09%/năm (0,75%/tháng).

- Bị đơn bà Trần Thị Nh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Mai Quang H và bà Phạm Thị H.

Buộc bà Trần Thị Nh phải có trách nhiệm trả cho ông H, bà H số tiền gốc vay là 750.000.000 đồng và lãi suất là 9%/năm (0,75%/tháng) đối với số tiền 750.000.000 đồng (từ ngày 29/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/11/2022 là 971 ngày) là 179.568.500 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 24/11/2022 là 929.568.500 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của đồng nguyên đơn ông H, bà H buộc ông M phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ chung.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/12/2022 và ngày 10/01/2023 nguyên đơn ông Mai Quang H, bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước hủy Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên để chuyển hồ sơ qua Công an huyện Đ điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng Bà Nh đối với ông H, bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ thời điểm thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội

đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Quang H, bà Phạm Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, ngày 11/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Đ ra Quyết định tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 11/2022/QĐST-VDS đối với Bà Nh, ông M. Hết thời hạn thông báo tìm kiếm nhưng Bà Nh, ông M vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Trần Thị Nh, ông Đinh Văn M theo quy định. Đối với người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà H là ông Trịnh Đắc H đã chết, ông H bà H không ủy quyền cho người khác đại diện.

[2] Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trịnh Đắc H có đơn đề nghị Tòa án chuyển vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để làm rõ hành vi của bà Trần Thị Nh vì cho rằng hành vi của Bà Nh có dấu hiệu hình sự.

Ngày 25/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Đ có Công văn số 06/CV-TA về việc đề nghị xem xét dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự gửi qua Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Ngày 20/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ có Công văn số 223/ĐTTH trả lời Bà Nh không có hành vi bỏ trốn khỏi địa phương nhằm chiếm đoạt số tiền vay của bà Phạm Thị H nên đây là tranh chấp dân sự của các bên. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đ tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Quang H, bà Phạm Thị H về việc yêu cầu chuyển hồ sơ qua Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng Bà Nh đối với ông H, bà H là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà H yêu cầu xem xét lại phần tiền lãi. Yêu cầu này của bà H không có trong nội dung kháng cáo, vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không được Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Quang H, bà Phạm Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 148, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Quang H và bà Phạm Thị H.

Buộc bà Trần Thị Nh trả cho ông Mai Quang H, bà Phạm Thị H khoản vay ngày 29/3/2020 gồm số tiền gốc 750.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng) trên số tiền 750.000.000 đồng (từ ngày 29/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/11/2022 là 971 ngày) là 179.568.500 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi đến ngày 24/11/2022 là 929.568.500 (Chín trăm hai mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông H, bà H về việc buộc ông M phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ chung với Bà Nh.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành án thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Nh phải chịu 39.887.000 (ba mươi chín triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

Ông Mai Quang H và bà Phạm Thị H không phải chịu. Trả lại cho ông H, bà H số tiền tạm ứng án phí 17.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004487 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông H bà H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019214 ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

6. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tiến Hiệp